TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày: 13 - 8- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng;

Ông Phạm Ngọc Dụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:** Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên**.**

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 29/11/1996 tại xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Đoàn Thị H; gia đình có bị cáo là con duy nhất; vợ là Nguyễn Ngọc L, chưa có con;

Tiền án: Ngày 19/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 16/11/2019;

Tiền sự: Ngày 24/7/2017, bị Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và mua bán, vận chuyển vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, hình thức: phạt tiền, hiện chưa chấp hành;

Nhân thân: Ngày 24/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; ngày 22/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 02/4/2020 chuyển tạm giam; "có mặt".

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/9/1999 tại xã N, huyện C, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/3/2018 bị Công an huyện C, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức: cảnh cáo;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 02/4/2020 chuyển tạm giam; "có mặt".

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người làm chứng*:

1. Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

2. Chị Đào Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: xóm 19, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết Nguyễn Văn Đ nên sáng ngày 15/3/2020, Phạm Văn T đến chỗ ở của Đ ở thôn H, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội. Tại đây, T thấy Đ có vam phá khóa xe máy tự chế bằng kim loại, hình chữ "L", một đầu dài khoảng 05cm, một đầu dài khoảng 10cm, T cầm chiếc vam rồi bảo "Chiều về quê anh chơi rồi ăn xe", ý nói trộm cắp xe máy, Đ nhất trí. Khoảng 17 giờ cùng ngày T, Đ cùng vợ T là Nguyễn Ngọc L và con riêng của L là Nguyễn Nam A đi từ Hà Nội về xã T, huyện X, tỉnh Nam Định. Khoảng 17 giờ ngày 16/3/2020, T thuê xe taxi cùng Đ, L và cháu Nam A đi chơi, trên đường đi T bàn với Đ đến các quán internet tìm sơ hở để trộm cắp xe máy, T sẽ trực tiếp lấy xe còn Đ cảnh giới. Sau đó, T gọi xe taxi cho 2 mẹ con L về trước rồi cùng Đ đi đến quán

internet N của gia đình anh Lê Thanh T ở xóm 19, xã T, huyện X chơi. Tại đây, T phát hiện chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng đen bạc, kiểm biểm soát 18F1-20907 của anh Nguyễn Văn K là khách chơi của quán để ở cửa quán nên nảy sinh ý định trộm cắp. T bảo Đ thanh toán tiền máy rồi cả hai đi ra cửa quán, Đ đứng cảnh giới, T quan sát thấy không ai để ý liền ngồi trên chiếc xe moto của anh K, dùng vam phá khóa mang theo từ trước cắm vào ổ khóa để mở khóa điện. Sau đó T dắt xe xuống đường nổ máy đi thẳng lên thành phố Nam Định gửi xe ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định. Trên đường đi, T gọi điện cho L bảo đón Đ rồi về dọn đồ đi thành phố Nam Định, T sẽ đón ở khu vực cầu Đò Quan. Sau khi biết T đã lấy được xe, Đ cùng 2 mẹ con L đi đến cầu Đò Quan, thành phố Nam Định gặp T. T nhờ bạn là Ngô Huỳnh Đ ở phường H, thành phố Nam Định đặt cho 2 phòng ngủ để nghỉ qua đêm. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 17/3/2020, T và Đ đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định lấy xe moto gửi tối hôm trước rồi chở nhau đi Hà Nội. Đến nơi cả hai thống nhất giao xe cho T tiêu thụ, bán được bao nhiêu tiền sẽ chia. T tháo biển kiểm soát xe thay bằng biển kiểm soát 29Z1- 42436 và thay ổ khóa điện khác. Trên đường đi tiêu thụ, T đã vứt biển kiểm soát 18F1-20907 và chiếc vam phá khóa đi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37 ngày 25/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuân Trường đã kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha mà T và Đ trộm cắp của anh K có giá là 10.000.000đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trên.

Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 15/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố: Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản"; căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 18 đến 21 tháng tù; căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 đến 08 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ không có tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của các bị cáo T và Đ như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp kết quả định giá tài sản cũng như lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/3/2020, tại xóm 19, xã T, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng đen bạc, kiểm biểm soát 18F1-20907 của anh Nguyễn Văn K có giá trị là 10.000.000đ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo T và Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, có thể chất, tinh thần bình thường, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng bản thân lại không chịu lao động làm ra của cải mà lại đi trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T đã nhiều lần bị kết án về tội phạm liên

quan đến tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật nên phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là người khởi xướng rủ rê bị cáo Đ, chuẩn bị công cụ phạm tội cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trực tiếp mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên có vai trò đầu, bị cáo Đ giữ vai trò sau vì đồng phạm với vai trò giúp sức.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều đã bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vì vi phạm pháp luật. Bị cáo T có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đ không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly các bị cáo T và Đ ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo T và Đ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc biển kiểm soát xe moto số 29Z1- 42436 T đã dùng để thay vào biển số xe máy trộm cắp của anh K, 01 mũ lưỡi trai vải, 01 áo vải nỉ nam đã cũ, 01 áo khoác vải nam, 01 đôi giầy da màu trắng, 01 quần Jean màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn Đ đều đã cũ và đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T; khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

- Tuyên bố các bị cáo: Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản";

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc biển kiểm soát xe moto số 29Z1-42436, 01 mũ lưỡi trai vải, 01 áo vải nỉ nam đã cũ, 01 áo khoác vải nam, 01 đôi giầy da màu trắng, 01 quần Jean màu xanh.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 35/CCTHA ngày 03/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; buộc các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống Đ hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã T;
- UBND xã Nam Phương Tiến;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Thung